

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH

GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không
Chuyển ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh
Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 4

Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm

Kinh văn (4) : **“Nhi tâm vô sắc, bất khả kiến thủ, dẫn thị hư vọng, chư pháp tập khởi, tất cánh vô chủ, vô ngã ngã sở. Tuy các tùy nghiệp sở hiện bất đồng, nhi thật ư trung, vô hữu tác giả, cố nhất thiết pháp, giai bất tư nghị.”**¹

Đoạn trước đã giải thích tại sao có lục đạo luân hồi, còn đoạn này sẽ nói rõ căn nguyên của chân tướng sự thật. Hiện tượng này rốt cuộc phát sinh thế nào?

Phật dạy: “Tù tâm tưởng sanh” đều do tâm tạo thiện nghiệp hoặc bất thiện nghiệp mà biến hiện ra cảnh giới của lục đạo luân hồi. Cho nên căn nguyên đều tại “tâm”. “Tâm” vô cùng khó hiểu, cổ đức dạy: *“Nhược nhân thức đắc tâm, đại địa vô thốn thổ”* (nghĩa là: nếu ai cũng thấu hiểu được tâm thì đại địa không còn tác đất). Phật pháp nói ngộ đạo, chứng quả đó chính là

¹ Nghĩa là: Song TÂM không có SẮC, không thể thấy được. Và đó chỉ là sự giả dối của mọi pháp hợp tập gây nên, rốt ráo không có chủ, không có ta, cũng không có cái gì của ta. Tuy đều tùy nghiệp hiện ra không đồng, mà trong ấy thực không có tác giả, nên hết thảy pháp đều không thể nghĩ bàn được về tự tính như huyền của nó.

thật sự thấu hiểu “tâm”, cho nên gọi là “Minh tâm kiến tánh”. Minh tâm kiến tánh chính là đại triệt đại ngộ, chứng được Phật quả vô thượng Bồ đề.

Thế nào gọi là “tâm”? Chúng ta đều cho rằng tâm là trái tim, nhưng đó là ngộ nhận. Trong Kinh Lăng Nghiêm có đoạn Thế Tôn hỏi Ngài A Nan:

- Nhân duyên gì khiến Người phát tâm xuất gia học Phật?

Ngài A Nan trả lời:

- Con thấy 32 tướng tốt của Thế Tôn, tướng này thật là thù thắng, mỹ diệu. Con thường tự nghĩ rằng ấy không phải do đam mê dục ái của cha mẹ sanh ra, mà nhất định là do tu hành thành tựu. Và con cũng khát ngưỡng tướng tốt ấy mà phát tâm xuất gia.

Đức Phật lại hỏi tiếp Ngài A Nan:

- Cái tâm mà ông phát ở đâu?

Ngài A Nan vô cùng thông minh kể ra bảy nơi, kết quả đều bị Đức Phật phủ định. Thế nên Ngài hướng về Thế Tôn thỉnh giáo “tâm rốt cuộc ở đâu?”.

Kinh Hoa Nghiêm dạy: **“*Hư không pháp giới nhất thiết chúng sanh duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”** (nghĩa là **hư không, pháp giới, cùng tất cả chúng sanh đều do tâm hiện, thức biến**). Tâm là chân tâm, thức là vọng tâm, chân tâm và vọng tâm chỉ là một. Tâm hoàn toàn giác ngộ, không mê hoặc chính là chân tâm. Còn mê hoặc thì chính là vọng tâm. Mê hoặc là gì? Là có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, mà có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là vọng tâm. Không có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chân tâm liền hiện tiền. Quyết không thể nói ngoài vọng tâm còn có chân tâm. Kỳ thật chân tâm và vọng tâm chỉ là một cái tâm mà thôi, tuyệt không phải hai cái tâm tách biệt. Chân tâm là năng hiện, năng hiện vũ trụ hư không, tức là thập pháp giới y chánh trang nghiêm, ngay cả Nhất chân pháp giới cũng là chân tâm sở hiện. Thế giới Hoa Tạng mà Kinh Hoa Nghiêm giảng, thế giới Cực Lạc là Tây Phương Tịnh độ, thực chất đều là do chân tâm hiện

ra, cho nên nó không thay đổi. Người ở nơi đó thọ vô lượng, vĩnh viễn không mất đi, không già cả cũng không bệnh tật. Do vậy mà biết chúng ta già cả, bệnh tật, chết chóc đây là vọng tâm tạo thành, vọng tâm chính là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nếu như chúng ta có thể đoạn tuyệt những vọng tưởng, phân biệt, chấp trước này thì chúng ta cùng chư Phật Như Lai không khác gì nhau: cũng là không sanh, không diệt, không già cả, không bệnh tật, không chết chóc. Như vậy, Phật và chúng sanh là bình đẳng, không phân cao thấp.

Nếu chúng ta buông bỏ chấp trước, đối với tất cả pháp thế xuất thế gian không còn chấp trước thì thoát khỏi lục đạo gọi là A La Hán. A La Hán, Bồ Tát, Phật là danh xưng học vị trong nền giáo dục Phật Đà. Cầm được học vị A La Hán rồi thì vĩnh viễn không thôi chuyển, không còn phải đến lục đạo chịu khổ ải.

Nếu tiến thêm một bước nữa là đối với tất cả pháp thế xuất thế gian không phân biệt. Đoạn tuyệt sự phân biệt được gọi là Bồ Tát.

Như vậy có thể thấy, A La Hán tuy không chấp trước nhưng còn phân biệt. Bồ Tát không chấp trước cũng không phân biệt, cao hơn A La Hán nhưng chưa thoát ra phạm vi của thập pháp giới, cho nên cần phải đem vọng tưởng (gọi là “vô minh phiền não”) đoạn mấy phần. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói 41 phẩm chỉ đoạn 1 phẩm thì thoát khỏi “Thập pháp giới” vào “Nhất chân pháp giới”. Nhất chân pháp giới chỉ còn thừa lại một vài vọng tưởng nhỏ nhoi vi tế, từ từ đoạn thêm. Trong kinh Đại thừa có dạy phải trải qua ba A - Tăng kỳ kiếp mới đoạn sạch sẽ, sau đó mới nhận được học vị cao nhất đó là Phật.

“Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước” là nói một cách dễ hiểu, dễ hình dung, còn từ dùng trong Phật học là “vô minh phiền não”, “trần sa phiền não”, “kiến tư phiền não”. “Kiến tư phiền não” chính là “chấp trước”, “trần sa phiền não” chính là “phân biệt”, “Vô minh phiền não” chính là “vọng tưởng”. Chúng ta bị vọng tưởng, phân biệt và chấp trước che mắt, nên ngay cả làm người đều không tự tại, mỗi ngày đều sinh phiền não, đi đến đâu cũng phân biệt thân phận, chấp trước thân phận, phải có địa vị của ta, danh dự của

ta, có những thứ này thì có sanh có tử, liền có nhân duyên quả báo. Nếu chúng ta có thiện niệm sẽ thọ báo nơi tam thiện đạo, có ác niệm thì thọ báo nơi tam ác đạo. Thiện niệm và ác niệm không có rồi thì nhân của lục đạo không còn, quả của lục đạo đương nhiên cũng không có.

La Hán, Bồ Tát, Phật đến sáu cõi là “Thừa nguyện tái lai” tức là nguyện đến mà giúp đỡ chúng sanh giải thoát. Tuy là hiện thân trong lục đạo nhưng cũng rất tự tại. Ví như Ngài Quán Thế Âm Bồ Tát cần dùng thân gì để độ thì hiện thân ấy, nếu như Ngài chỉ có một thân tướng thì không thể hiện thân tướng thứ hai. Chúng ta chấp trước thân này là ta, tướng này là ta, thì không thể hiện cái thân tướng thứ hai. Các Ngài không có chấp trước cho nên tùy loại biến hóa, biến hóa cũng không phải là trong tâm mình nghĩ “Tôi muốn biến hóa ra cái gì?” Mà là do tùy tâm tướng của chúng sanh mà biến ra, còn tự mình quyết định không nghĩ, nghĩ tướng là chấp trước, là biến thành phàm phu rồi.

Cổ nhân Trung Quốc tạo chữ rất có ý nghĩa. Ví như chữ “Tư” (là phân biệt) gồm chữ “tâm” phía trên, phía dưới là chữ “điền” với rất nhiều ô vuông, lần kẻ trong ô vuông chính là sự “phân biệt”. Hoặc như chữ “Tướng” là trên “tâm” “có tướng”, chấp trước cái tướng đó, cho nên “tướng” là chấp trước. Tâm là cái gì? Dem “điền”, đem “tướng” bỏ đi, phần còn lại mới là “Tâm”. Cho nên chữ Trung Quốc được xem là ký hiệu trí tuệ, là phù hiệu để nhắc nhở mọi người giác ngộ.

Có “tư”, có “tướng” chắc chắn là phàm phu nơi lục đạo. A La Hán có “tư”, không có “tướng”; Bồ Tát thì không có tư cũng không có tướng. Vì thế, trong Kinh Đức Phật thường dạy, Đức Phật 49 năm giảng kinh nói pháp không có nói một câu. Đức Phật nếu nói pháp thì có tư tướng. Cho nên, Kinh Phật không thể dùng tư tướng để nghiên cứu, Đức Phật không có tư tướng, nếu chúng ta dùng tư tướng để nghiên cứu thì chúng ta biến thành nghĩ tướng lung tung. “*Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, xa rời tư tướng mới có thể thể hội ý của Đức Phật. Đây là trí huệ chân thật viên mãn.

“Nhi tâm vô sắc (nghĩa là tâm thì không có hình sắc)”, “tâm” không phải vật chất, không phải sắc pháp; “Sắc” là sắc pháp, tức là “sắc” trong ngũ uẩn: Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Hiện nay khoa học đem nó phân thành hai loại lớn: một là vật chất, một là tinh thần. “Sắc” mà Phật pháp giảng chính là “vật chất”, “Tâm” chính là “tinh thần”. Tâm thì có chân tâm, vọng tâm, bất luận chân tâm hay vọng tâm thì đều không phải vật chất, cho nên mắt không nhìn thấy, tai không nghe thấy, thân thể không tiếp xúc tới, ngay cả suy nghĩ cũng nghĩ không được. Lục căn gồm: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý (tức: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý). Ý chính là ý nghĩ, ngay cả ý nghĩ cũng không tới được. Trong Lục căn năng lực mạnh nhất là ý căn. Chúng ta thường vọng tưởng, tưởng về chuyện trước đó, tưởng về việc sau này, tưởng từ quá khứ vô thủy kiếp, tưởng đến vị lai vô lượng kiếp, tưởng thế giới này, tưởng ngoài vũ trụ, tưởng đến cõi chư Phật, nhưng “tâm” này lại không tưởng ra. Vì tâm không phải sắc pháp, ý thức có thể duyên tất cả sắc pháp, nhưng duyên không đến chân tâm.

“Bất khả kiến thủ” (nghĩa là không thể nắm bắt được) là nói lục căn chắc chắn không đạt tới. “Thủ” là chấp trước, là chiếm hữu, không những là tâm pháp không thể thấy, không thể đạt được, mà sắc pháp cũng như vậy. Ví dụ thân là sắc pháp, thân tuy có thể thấy, nhưng chắc chắn không thể giữ lấy mãi. Hiện nay khoa học đã chứng minh tế bào trong cơ thể thay cũ đổi mới theo từng sát na sanh diệt. Tế bào cũ chết đi, tế bào mới sanh ra. Nếu như có thể “thủ” thì tế bào chắc chắn vĩnh viễn không sanh, không diệt. Cho nên ngay cả thân thể đều không thể “thủ” huống hồ là vật ngoài thân, nói cách khác, không có vật gì là thuộc về mình.

Trong Phật pháp giảng rằng: ***“Vạn pháp giai không, nhân quả bất không”*** (Nghĩa là: vạn pháp đều là không, nhưng nhân quả nhất định có). Pháp thế xuất thế gian chính là nhân quả, nhân quả cũng nằm trong vạn pháp, vậy tại sao ***“nhân quả bất không”***? Sở dĩ nói ***“nhân quả bất không”*** là nói nhân quả chuyển biến bất không, tương tục bất không, tuần hoàn bất không. Bộ Kinh này tuy lời gọn nhưng ý đủ, dạy con người phải đoạn ác tu thiện. Có thể đoạn ác tu thiện, chuyển biến nhân quả càng ngày càng tốt hơn; tương

tục, tuần hoàn của nhân quả càng ngày càng tự tại. Nếu không thấu hiểu nghĩa lý này, cứ tùy thuận theo phiền não tập khí của chính mình thì chuyển biến càng chuyển càng xấu đi; tương tục, tuần hoàn thì càng đọa lạc xuống thêm.

Cho nên tất cả các pháp thế xuất thế gian không có người làm chủ tể, tất cả là tự làm tự nhận lấy. Đức Phật cũng không thể giúp đỡ được. Ví dụ: Tín đồ của Islam giáo (tức là Hồi giáo) giới thiệu sơ lược cho chúng ta rằng Allah là chủ tể (tức là Đấng tối cao) duy nhất trên thế giới này. Allah mà họ nhắc đến chính là tâm tánh mà chúng ta thường nói, nhưng họ chưa giảng đến chân tâm, cái họ nói chỉ là vọng tâm. Tại sao? Ngài ấy muốn làm chủ tể (tức là làm Đấng tối cao), chủ tể là vọng tâm, chân tâm thì không làm chủ tể, trong chân tâm lại không có cái vọng tâm về cái gọi là chủ tể (Đấng tối cao) này.

“Nhi tâm vô sắc bất khả kiến thủ” (nghĩa là : Song TÂM không có SẮC, không thể thấy được), chúng ta phải thường ghi nhớ câu này.

Trong Bát Nhã Tâm Kinh dạy rất cụ thể, thấu triệt, “*Quán tự tại Bồ Tát, chiếu kiến ngũ uẩn giai không*”. “Quán” là quán chiếu. Sao gọi là quán chiếu? Bồ Tát dùng tâm gọi là “quán chiếu”, cũng chính là lục căn của Ngài tiếp xúc cảnh giới bên ngoài: mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, các Ngài không phải không có, mà giống như chúng ta vậy, nhưng các Ngài lìa tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì gọi là “quán chiếu”. Chúng ta có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì là tư tưởng. Phật, Bồ Tát dùng quán chiếu, có thể thấy tướng chân thật của tất cả hiện tượng; phàm phu dùng tư tưởng, xen tạp vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đem tướng chân thật bóp méo, cho nên không thể nào thấy được chân tướng sự thật. Nếu như chúng ta cũng có thể lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, thì liền thấy được chân tướng. Nên hiểu rằng bóp méo không phải là bóp méo hiện tượng bên ngoài, mà là bóp méo những năng lực tự thân của lục căn, tuyệt nhiên không liên quan đến môi trường ngoại cảnh. Môi trường ngoại cảnh luôn luôn là trung lập, là duy tâm sở hiện.

Cho nên Phật, Bồ Tát tuy cùng ở với chúng ta nhưng cảnh giới hoàn toàn không giống nhau. Cảnh giới của Phật Bồ Tát là Nhất chân pháp giới, còn chúng ta là ở Lục đạo luân hồi. Nên hiểu rằng Lục đạo luân hồi và Nhất chân pháp giới viên dung với nhau chứ không phải ở ngoài lục đạo luân hồi còn có Nhất chân pháp giới, ngoài Nhất chân pháp giới thì có lục đạo luân hồi, không phải vậy.

Ví dụ buổi tối có rất nhiều người cũng ngắm trăng, mặt trăng giống nhau nhưng cảm xúc của mỗi người không giống nhau, cảnh giới của mỗi người cũng khác nhau. Cảnh sắc bên ngoài chỉ là một, tuyệt không vì cảm thọ của chúng ta mà sanh thay đổi.

Chúng ta đọc lại kinh văn một lần:

“Nhi tâm vô sắc, bất khả kiến thủ, Đản thị hư vọng chư pháp tập khởi, tất cánh vô chủ, vô ngã ngã sở”

(Nghĩa là: Tâm không có sắc, nên không thể nhìn thấy được. Đó là hư vọng, do các pháp hợp lại mà khởi hiện, rốt ráo không có chủ thể, không có ta, cũng không có cái gì của ta)

Luận Bách Pháp Minh Môn là bài học đầu tiên của phần sơ học Đại thừa, Bồ Tát Thiên Thân đem 660 pháp trong Luận Du Già Sư Địa quy nạp thành 100 pháp để tiện lợi cho người sơ học Đại thừa. Tất cả pháp ở trong vũ trụ này quy nạp thành 100 điều, mà sự hàm chứa trong mỗi điều đó lại vô lượng, vô biên, không cách gì tính được. Bất luận là thuộc về môn nào, tâm pháp năng biến, có khi cũng nói là năng sanh, năng biến. Tuy nhiên, năng sanh không phải năng hiện. Ý nghĩa của năng sanh, năng hiện không giống nhau. Năng hiện là chân tâm, còn vọng tâm thì “bất năng hiện” (là không thể hiện), vọng tâm thì năng biến, đem Nhất chân pháp giới biến thành Thập pháp giới, biến thành vô lượng vô biên pháp giới, chính là có công năng như vậy.

Vọng tâm từ đâu mà khởi? **“Đản thị hư vọng chư pháp lập khởi”**
(nghĩa là: *Đó là hư vọng, do các pháp hợp lại mà khởi hiện*)

Hư vọng là nói đến vọng tâm không phải chân thật. Tại sao có hiện tượng này? Là do tập khởi. Trong Luận Trung Quán dạy “*Chư pháp bất tự sanh, diệt bất tùng tha sanh, bất cộng bất vô nhân, thị cố tri vô sanh*”². Đây là nói đến căn nguyên của các pháp nhân sanh vũ trụ. Có thể nói một bộ Luận Trung Quán với 500 bài tụng chính là giải thích rõ điều này. Đối với hiện tượng này, thấu hiểu rồi gọi là “pháp thân Bồ Tát”, còn hoàn toàn mơ hồ không thấu hiểu chính là “phàm phu”. Phàm phu, Phật và Bồ Tát không khác biệt, chỉ là đối với chân tướng của vũ trụ nhân sanh nhận thức không giống nhau.

Cũng giống như học ở trường học, chúng ta đạt được học vị tiến sĩ, người khác đạt được học vị thạc sĩ, còn có những người khác nữa không có văn hóa, ngay cả bậc tiểu học cũng chưa học qua, nhưng đều là người, chỉ là trên trình độ văn hóa sai biệt không giống nhau. Vì thế Thập pháp giới chính là sự khác biệt của trình độ văn hóa, trải nghiệm cuộc sống không giống nhau. Từ chỗ đó mà chúng ta nên ngộ ra chúng ta phải sống đời sống tốt, đem phẩm chất cuộc sống của mình nâng cao. Muốn được vậy phải dựa vào giáo dục.

Ngày nay trên thế giới có rất nhiều khu vực nghèo khó, cuộc sống rất khổ, phải làm gì cứu tế? Cứu giúp vật chất không thể giải quyết được vấn đề, nhất định phải xây trường học, nâng cao trình độ văn hóa của họ, như thế mới có thể nâng cao phẩm chất cuộc sống. Theo Phật pháp mà nói, chúng ta có

-
- ²“*Chư pháp bất tự sinh*”: Các pháp không tự mình nó mà sinh ra
 - “*Diệt bất tùng tha sinh*”: Cũng không thể từ cái khác nó mà sinh ra
 - “*Bất cộng bất vô nhân*”: Cũng không thể vừa tự nó sinh ra, vừa do cái khác nó sinh ra.
 - “*Thị cố tri vô sinh*”: Vì vậy nên ta biết tự tánh của các pháp là vô sinh. (Thiền sư Thích Nhất Hạnh)

thể từ nhân đạo (là cõi người) nâng lên thiên đạo (là cõi trời), từ Dục giới thiên nâng lên Sắc giới thiên, từ Sắc giới thiên nâng lên Vô sắc giới thiên; từ trong lục đạo nâng lên Tứ thánh pháp giới, từ Tứ thánh pháp giới nâng lên Nhất chân pháp giới. Toàn bộ đều dựa vào giáo dục. Pháp thể xuất thế không ngoại lệ. Chúng ta phải nhận thức được điều này.

A Lại Da là từ đâu mà có? A Lại Da là tiếng Phạn, ý nghĩa là “Tàng thức”. “Tàng” nghĩa là hàm chứa, hàm chứa cái gì? Hàm chứa ấn tượng, chủng tử của các pháp mà thuật ngữ Kinh Phật gọi là “*Chư pháp lạc tạ ảnh tử*”³, thứ mà người đời nay gọi là “ấn tượng”. Trong đời sống này, từ sáng đến tối, cảnh giới mà lục căn của chúng ta tiếp xúc đều để lại ấn tượng, vĩnh viễn không mất đi. Đó là nhờ vào chức năng của A Lại Da, A Lại Da giống như kho lưu trữ. Chúng ta tạo tất cả thiện, ác và cả vô ký mà chúng ta tạo ở trong kho lưu trữ, vĩnh viễn không bị quên lãng. Trôi qua trăm ngàn vạn kiếp, những ấn tượng chủng tử tiềm ẩn trong A Lại Da khi nhân duyên hội ngộ thì sẽ có quả báo liền hiện tiền. A Lại Da vô cùng vi tế, ý nghĩ vi tế tạo nghiệp⁴, thức thứ sáu còn chưa phát giác được nhưng trong A Lại Da đã lưu giữ rồi.

Những “ấn tượng” (tức chủng tử) này của A Lại Da không có hình tướng, vì nếu nó là sắc pháp, là vật chất thì theo lời dạy của Đức Phật, sự tạo tác của chúng ta vô lượng kiếp đến nay có bao la như hư không cũng chưa không hết. Như vậy chúng ta mới hiểu được nghiệp mà chúng ta tạo là bao nhiêu. Cho nên chúng ta trên con đường Bồ đề làm gì mà không có nạn, không có chướng ngại chứ? Từ xưa đến nay tạo ác nghiệp quá nhiều rồi, ác

³ *Lạc Tạ Ảnh Tử là cái bóng dáng của năm Trần rút lại và nằm yên trong Thức Tạng. Pháp trần: Cái bóng dáng của năm trần còn lưu lại trong ý thức. Nghĩa là khi mắt không còn thấy sắc, tai không còn nghe tiếng, cho đến thân không còn biết xúc, mà trong ý thức vẫn nhớ lại cái bóng dáng của 5 trần; cái bóng dáng đó là pháp trần. Trong Duy thức gọi là "lạc tạ ảnh tử" (nghĩa là cái bóng rút lại). Đây là cảnh bị biết của ý thức.*

⁴ *Thường thường ý thức thứ sáu vẫn không phát hiện ra được, nhưng mà kho lưu trữ thì đã lưu rồi, tốc độ lưu trữ vô cùng nhanh, là theo từng sát na.*

nghiệp cản trở chúng ta, thiện nghiệp cũng cản trở chúng ta, thiện nghiệp dẫn tới lòng tham ái của chúng ta, ác nghiệp dẫn tới lòng sân hận của chúng ta. Tham sân si, toàn là chướng ngại. Cho nên Đức Phật dạy chúng ta tu tịnh nghiệp, tu tịnh nghiệp sẽ không có chướng ngại.

Chân chánh tu tịnh nghiệp, thuần tịnh không nhiễm tạp là Pháp thân Đại sĩ. Ở trong tịnh còn tạp ít phần bất tịnh là pháp giới Tứ thánh. Trong pháp giới của lục đạo thường là nhiễm nhiều, tịnh ít. Ở chốn phàm phu người tu hành chân chánh rất tốt, phân lượng nhiễm nghiệp xen tạp tương đối ít, xen tạp khoảng 20% - 30% đã tương đối được rồi. Trình độ này của chúng ta hiện nay khoảng trên 95% là nhiễm nghiệp, tịnh nghiệp chỉ có 2% - 3% thậm chí chỉ có 1% - 2% mà thôi.

Những cảnh giới này thật sự là hư vọng. Tuy là hư vọng, nhưng nếu chúng ta không biết nó là hư vọng, thì sẽ bị nó hại, biết nó là hư vọng thì sẽ không bị nó làm hại, là chúng ta đã giác ngộ rồi. Thế nên, mấu chốt là ở mê, ngộ. Khi mê thì vĩnh viễn sẽ bị vọng cảnh ràng buộc chi phối. Ví dụ thế giới này, trước mắt là hư vọng, nhưng chúng ta không biết nó hư vọng nên khởi tâm động niệm làm cho tất cả hành vi sinh hoạt trong đời sống đều bị hoàn cảnh ảnh hưởng. Giả như thật sự biết nó là hư vọng, nhất định sẽ không chịu sự hư vọng đó can thiệp, ngay trong hoàn cảnh đó vẫn vĩnh viễn giữ tâm thanh tịnh, đạt được đại tự tại.

Lịch đại Tổ sư ở Trung Quốc, không ít người chứng được cảnh giới này, tức là cảnh giới như Kinh Lăng Nghiêm đã nói “*Nhược năng chuyển vật, tắc đồng Như Lai*”⁵. Họ không bị hoàn cảnh làm mê hoặc, không bị hoàn cảnh lay chuyển, ở hoàn cảnh nào cũng có thể làm chủ được, có thể làm hoàn cảnh chuyển biến. Người thiện gặp được họ càng thiện hơn, người ác gặp họ thì sửa đổi thành thiện. Bất kể người hay sự vật hay hoàn cảnh vật chất đều có thể chuyển. Ngay cả trong hoàn cảnh vật chất có rất nhiều thiên tai như

⁵ *Nghĩa là: “Nếu có thể chuyển cảnh, thì cũng giống như Như Lai” vậy.*

gió bão, lũ lụt, hạn hán, động đất, v.v...cũng không ngoại lệ. Họ đến những nơi này thì thiên tai giảm thiểu. Đây hoàn toàn là sự thật.

Cái “lý” ở đây cũng hết sức thâm sâu, cho nên Kinh Phật mới giảng là “mật”, không phải chỉ “bí mật”, mật ở đây là “thâm mật”. Lý càng sâu cần dựa vào phương pháp tuần tự từ từ mà tiến, nhất định có thể chứng đắc, cho nên gọi là “Hoát nhiên đại ngộ”.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Chúc bạn:

*Không làm các việc ác,
vâng làm các việc lành,
tự thanh tịnh tâm ý,
đó là lời Phật dạy*

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “[duongdenhanhphuc](https://www.youtube.com/channel/UCv3v3v3v3v3v3v3v3v3v3v3)”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!

(29’11)